

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/DS-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám.

2. Ông Cao Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: bà Hồ Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/2022/TLST - DS ngày 29 tháng 7 năm 2022, về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Địa chỉ: số 266 - 268 N, phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* anh Nguyễn Quốc T, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch T, chi nhánh Quảng Nam. *Có đơn xin xét xử vắng mặt.*

Địa chỉ: tổ 2, thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3. *Bị đơn:* anh Trần Đệ H, sinh năm 1989. *Vắng mặt.*

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* chị Võ Thị P, sinh năm 1989. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2022, văn bản số 47/2022/CV-PGDTB ngày 20/9/2022 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Nguyễn Quốc T trình bày: ngày 06/12/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần S chi nhánh Quảng Nam - phòng giao dịch T (sau đây gọi là ngân hàng) và anh Trần Độ H đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân). Căn cứ vào thu nhập của anh H, ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, anh H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 33.546.273 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, anh H đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 13.599.579 đồng. Áp dụng Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân về thứ tự thanh toán, số tiền 13.599.579 đồng được thanh toán cho các khoản sau: phí trễ hạn là 994.581 đồng, phí thường niên là 598.000 đồng, phí vượt hạn mức là 157.957 đồng và lãi trong hạn là 11.849.041 đồng; lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng. Sau khi trừ các khoản thì số tiền còn lại gồm lãi 3.546.273 đồng và gốc 30.000.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh H vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng nên ngày 22/9/2021 ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, áp dụng mức lãi suất quá hạn trên số tiền nợ gốc 33.546.273 đồng là $150\% \times 2.6\%/tháng = 3.9\%/tháng$.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc anh H trả tổng số tiền tính đến ngày 15/9/2022 là 49.158.653 đồng, trong đó nợ gốc là 33.546.273 đồng và lãi quá hạn là 15.612.380 đồng; anh H phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 16/9/2022 cho đến khi trả dứt điểm nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn - anh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Võ Thị P nhưng anh H, chị P vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ; bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, 147, 227, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2

Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Huỳnh phải trả cho ngân hàng số nợ gốc là 30.000.000 đồng, lãi trong hạn là 3.546.273 đồng và lãi quá hạn trên số nợ gốc 30.000.000 đồng với lãi suất 3.9%/tháng, không chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn đối với số tiền 3.546.273 đồng; về án phí các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Trần Đệ H cư trú tại thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Nam. Nguyên đơn yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng. Vì vậy, quan hệ pháp luật giải quyết là *“tranh chấp hợp đồng tín dụng”* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H và chị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về hiệu lực của hợp đồng tín dụng: ngày 06/12/2019, anh H với ngân hàng đã ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (*bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân*), hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự thỏa thuận và hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Hợp đồng đảm bảo về mặt hình thức và nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: theo tóm tắt sao kê ngày 16/9/2022 mà ngân hàng cung cấp thì vào ngày 22/12/2019 anh H đã thực hiện giao dịch số tiền 26.000.000 đồng, ngày 22/9/2020 anh H tiếp tục thực hiện giao dịch số tiền 4.000.000 đồng, tổng số tiền anh H đã giao dịch là 30.000.000 đồng; tính đến ngày 22/5/2022, anh H đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 13.599.579 đồng. Ngân hàng áp dụng Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân để thanh toán số tiền là 13.599.579 đồng theo thứ tự thanh toán là phù hợp với thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng. Như vậy, sau khi thanh toán theo thứ tự thì số tiền còn lại gồm gốc là 30.000.000 đồng và lãi trong hạn là 3.546.273 đồng. Từ ngày 22/5/2022 đến nay, anh H không thanh toán nợ gốc và lãi cho ngân hàng như đã cam kết. Ngày 22/9/2021, ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Như vậy, anh H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, ngân hàng yêu cầu anh H phải trả nợ là có căn cứ.

Tại văn bản số 47/2022/CV-PGDTB ngày 20/9/2022, đại diện ngân hàng cho rằng theo khoản 1.9 Điều 1 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân có giải thích: “*đư nợ thẻ (gọi tắt là dư nợ): là tổng số nợ của tài khoản bao gồm tất cả số tiền giao dịch, phí và tiền lãi liên quan đến việc sử dụng thẻ*”. Từ đó, ngân hàng xác định dư nợ là số tiền 33.546.273 đồng (*cộng số tiền gốc 30.000.000 đồng và lãi trong hạn là 3.546.273 đồng*) và tính lãi quá hạn trên số tiền 33.546.273 đồng, để yêu cầu anh H trả nợ gốc là 33.546.273 đồng và lãi quá hạn là 15.612.380 đồng tính đến ngày 15/9/2022.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì cách tính lãi của ngân hàng là không có căn cứ pháp luật vì ngân hàng chỉ được tính lãi (*gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn*) trên nợ gốc (*số tiền 30.000.000 đồng*); cách tính dư nợ của ngân hàng dẫn đến lãi chồng lãi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào nợ gốc là 30.000.000 đồng để tính lãi quá hạn, nên dư nợ của anh H tính đến ngày 15/9/2022 gồm: nợ gốc là 30.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.546.273 đồng và lãi quá hạn là $(30.000.000 \text{ đồng} \times 3.9\%/\text{tháng})/30 \text{ ngày} \times (\text{từ } 22/9/2021 \text{ đến ngày } 15/9/2022 \text{ là } 358 \text{ ngày}) = 13.962.000 \text{ đồng}$.

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa anh H với ngân hàng, mục đích của là để tiêu dùng cá nhân và ngân hàng chỉ yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, không có căn cứ yêu cầu chị P liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ với anh H.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh H phải trả cho ngân hàng tổng số tiền 47.508.273 đồng, trong đó, nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.546.273 đồng và lãi quá hạn là 13.962.000 đồng; anh H phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ; không chấp nhận yêu cầu tính lãi quá hạn với số tiền là $(15.612.380 \text{ đồng} - 13.962.000 \text{ đồng}) = 1.650.380 \text{ đồng}$.

[4] Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39, Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc “*tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

1. Anh Trần Đệ H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền 47.508.273 (*bốn mươi bảy triệu năm trăm không tám nghìn hai trăm bảy mươi ba*) đồng, trong đó: nợ gốc 30.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.546.273 đồng và lãi quá hạn là 13.962.000 đồng.

Kể từ ngày 16/9/2022, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Trần Đệ H phải chịu là 2.375.413 (*hai triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn bốn trăm mười ba*) đồng. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T phải chịu là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ngân hàng đã nộp là 1.119.941 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004767 ngày 29/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam. Trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí còn lại là 819.941 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (30/9/2022), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ